

Số: 1233/KH-CĐCKNN

Vĩnh Phúc, ngày 24 tháng 10 năm 2025

KẾ HOẠCH
Tuyển sinh trình độ sơ cấp năm 2026

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Quyết định số 4322/QĐ-BNN-TCCB ngày 26/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Cơ khí nông nghiệp;

Căn cứ vào Thông tư số 5830/VBHN-BLĐTĐBXH ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo trình độ sơ cấp;

Căn cứ vào Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 77/2024/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 11/10/2024 của Tổng cục trưởng Tổng cục GDNN, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Trường Cao đẳng Cơ khí nông nghiệp xây dựng kế hoạch tuyển sinh trình độ sơ cấp năm 2026, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Tổ chức tuyển sinh đúng quy chế, đảm bảo chính xác, công khai, công bằng, khách quan, thuận lợi cho người học; góp phần nâng cao chất lượng đào tạo;
- Tuyển sinh đúng chỉ tiêu, tiếp tục thực hiện hiệu quả các giải pháp nhằm tăng quy mô tuyển sinh, tăng chất lượng công tác tuyển sinh.

II. NỘI DUNG

1. Đối tượng tuyển sinh

Là người từ đủ 15 (mười lăm) tuổi trở lên, có trình độ học vấn và sức khỏe phù hợp với nghề cần học.

2. Hình thức tuyển sinh

- Xét tuyển
- Thời gian tuyển sinh: nhiều lần trong năm

3. Các nghề đào tạo

TT	Nghề đào tạo	Thời gian đào tạo trình độ sơ cấp bậc 1	Thời gian đào tạo trình độ sơ cấp bậc 2
1	Kế toán doanh nghiệp	03 tháng	

2	Tin học văn phòng	03 tháng	
3	Vẽ và thiết kế trên máy tính	03 tháng	
4	Đồ họa máy tính	03 tháng	
5	Cấu hình và quản trị thiết bị mạng	03 tháng	
6	Thiết kế và quản trị website	03 tháng	
7	Lắp ráp và cài đặt máy tính	03 tháng	
8	Công nghệ ô tô	03 tháng	06 tháng
9	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ ô tô	03 tháng	06 tháng
10	Bảo dưỡng, sửa chữa điện ô tô	03 tháng	
11	Bảo dưỡng, sửa chữa gầm truyền lực ô tô	03 tháng	
12	Bảo dưỡng sửa chữa khung vỏ ô tô	03 tháng	
13	Bảo dưỡng ô tô	03 tháng	
14	Sơn ô tô	03 tháng	
15	Làm đẹp xe ô tô	03 tháng	
16	Cắt gọt kim loại	03 tháng	
17	Tiện CNC	03 tháng	
18	Phay CNC	03 tháng	
19	Phay - Tiện vạn năng	03 tháng	
20	Hàn	03 tháng	
21	Hàn 3G	03 tháng	
22	Hàn 6G	03 tháng	
23	Hàn MIG/MAG	03 tháng	
24	Hàn TIG	03 tháng	
25	Hàn Rô bốt	03 tháng	
26	Hàn và cắt khí ô xy - axetylen	03 tháng	

27	Hàn điện	03 tháng	
28	Vận hành máy nông nghiệp	03 tháng	06 tháng
29	Vận hành máy thi công nền	03 tháng	06 tháng
30	Vận hành máy ủi	03 tháng	06 tháng
31	Vận hành máy xúc	03 tháng	06 tháng
32	Vận hành cầu trục	03 tháng	
33	Vận hành máy thu hoạch	03 tháng	
34	Vận hành máy làm đất	03 tháng	
35	Sửa chữa điện - thủy lực trên máy thi công nền	03 tháng	
36	Sửa chữa máy nông nghiệp	03 tháng	
37	Điện công nghiệp	03 tháng	
38	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	03 tháng	
39	Điện tử công nghiệp	03 tháng	
40	Điện dân dụng	03 tháng	
41	Lắp đặt, sửa chữa điện - nước gia dụng	03 tháng	
42	Sửa chữa tủ lạnh	03 tháng	
43	Sửa chữa và lắp đặt máy điều hòa	03 tháng	
44	Điều khiển lập trình PLC	03 tháng	
45	Ứng dụng vi điều khiển	03 tháng	
46	Lắp ráp thiết bị điện tử	03 tháng	
47	Xếp dỡ cơ giới tổng hợp	03 tháng	06 tháng
48	Vận hành xe nâng hàng	03 tháng	06 tháng
49	Vận hành xe kéo điện	03 tháng	
50	Vận hành xe thang nâng	03 tháng	

4. Chỉ tiêu Tuyển sinh (Phụ lục kèm theo)

5. Hồ sơ đăng ký tuyển sinh

5.1. Đối tượng học tập là Bộ đội, Công an xuất ngũ có Thẻ học nghề

- 01 Thẻ học nghề có chứng thực
- 01 bản Sơ yếu lý lịch có xác nhận của địa phương
- 01 bản photo Quyết định ra quân có chứng thực
- 0 bản photo Căn cước công dân
- 02 ảnh 3x4

5.2. Đối tượng khác

* Hồ sơ đăng ký với người học theo hợp đồng cá nhân gồm có:

- Phiếu đăng ký học nghề (theo mẫu của trường hoặc cơ sở đào tạo);
- Bản sao Chứng minh nhân dân hoặc bản sao Căn cước công dân hoặc bản sao giấy khai sinh đối với người chưa có căn công dân;
- 02 ảnh thẻ (cỡ 3x4);
- Sơ yếu lý lịch tự thuật (theo mẫu hồ sơ chung)
- Giấy xác nhận thuộc đối tượng chính sách (nếu có) ví dụ: *con thương binh, người dân tộc thiểu số, hoặc hộ nghèo để xét ưu tiên; đối tượng yếu thế theo quy định;*

* Hồ sơ đăng ký với người học là cán bộ, người lao động ở các tổ chức, doanh nghiệp hợp đồng đào tạo với nhà trường, gồm có:

- Phiếu đăng ký học nghề (theo mẫu);
- Bản sao Chứng minh nhân dân hoặc bản sao Căn cước công dân hoặc bản sao giấy khai sinh đối với người chưa có căn công dân;
- 02 ảnh thẻ (cỡ 3x4);
- Quyết định cử đi học; bản danh sách có xác nhận hồ sơ cá nhân.

6. Học phí và Chứng chỉ được cấp

- Người học nộp học phí theo quy định của nhà trường;
- Các đối tượng có Thẻ học nghề thì học phí sẽ được miễn giảm theo quy định của nhà nước;
- Người học sau khi hoàn thành chương trình sơ cấp bậc 1 được Hiệu trưởng nhà trường cấp chứng chỉ sơ cấp bậc 1 với nghề đăng ký học tập;
- Người học sau khi hoàn thành chương trình sơ cấp bậc 2 được Hiệu trưởng nhà trường cấp chứng chỉ sơ cấp bậc 2 với nghề đăng ký học tập.

7. Địa điểm, thời gian nhận hồ sơ

- Địa điểm nhận hồ sơ: Phòng Đào tạo trường Cao đẳng Cơ khí nông nghiệp.
- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Đào tạo

- Chủ trì trong công tác lập kế hoạch tuyển sinh;
- Thường trực Hội đồng Tuyển sinh, thực hiện xét tuyển và lập danh sách trúng tuyển trình Chủ tịch Hội đồng phê duyệt;
- Cấp phiếu đăng ký tuyển sinh cho người học;
- Nhận phiếu đăng ký và nhập dữ liệu tuyển sinh vào phần mềm quản lý đào tạo.

2. Trung tâm Tuyển sinh và Giới thiệu việc làm

Chủ trì trong công tác triển khai tuyển sinh; Phối hợp với các khoa chuyên môn, CBGV trong nhà trường thực hiện công tác tư vấn tuyển sinh.

3. Các đơn vị khác

Phối hợp với phòng Đào tạo, Trung tâm Tuyển sinh và Giới thiệu việc làm thực hiện công tác tư vấn tuyển sinh.

Mọi thông tin chi tiết xin liên hệ phòng Đào tạo trường Cao đẳng Cơ khí nông nghiệp, cô Tạ Thị Bích Hồng (điện thoại: 0975.520283)./.

Nơi nhận:

- Sở LĐ-TB&XH Vĩnh Phúc (b/c);
- Các đơn vị trong trường;
- Lưu: VT, ĐT.



P. HIỆU TRƯỞNG
ThS. Đào Tuấn Anh

PHỤ LỤC
CHỈ TIÊU TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP NĂM 2026
 (Kèm theo Kế hoạch số 1233/KH-CDCKNN ngày 24 tháng 10 năm 2025
 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cơ khí nông nghiệp)

TT	Ngành, nghề đào tạo	Quy mô tuyển sinh/ năm	Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2026
		4385	4385
1	Kế toán doanh nghiệp	30	30
2	Tin học văn phòng	30	30
3	Vẽ và thiết kế trên máy tính	35	35
4	Đồ họa máy tính	35	35
5	Cấu hình và quản trị thiết bị mạng	35	35
6	Thiết kế và quản trị website	35	35
7	Lắp ráp và cài đặt máy tính	35	35
8	Công nghệ ô tô	30	30
9	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ ô tô	35	35
10	Bảo dưỡng, sửa chữa điện ô tô	35	35
11	Bảo dưỡng, sửa chữa gầm truyền lực ô tô	35	35
12	Bảo dưỡng sửa chữa khung vỏ ô tô	35	35
13	Bảo dưỡng ô tô	45	45
14	Sơn ô tô	35	35
15	Làm đẹp xe ô tô	35	35
16	Cắt gọt kim loại	30	30
17	Tiện CNC	35	35
18	Phay CNC	35	35
19	Phay - Tiện vạn năng	35	35
20	Hàn	50	50
21	Hàn 3G	35	35
22	Hàn 6G	35	35
23	Hàn MIG/MAG	50	50
24	Hàn TIG	50	50
25	Hàn Rô bột	35	35
26	Hàn và cắt khí ô xy - axetylen	45	45

TT	Ngành, nghề đào tạo	Quy mô tuyển sinh/ năm	Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2026
27	Hàn điện	35	35
28	Vận hành máy nông nghiệp	30	30
29	Vận hành máy thi công nền	30	30
30	Vận hành máy ủi	35	35
31	Vận hành máy xúc	35	35
32	Vận hành cầu trục	45	45
33	Vận hành máy thu hoạch	35	35
34	Vận hành máy làm đất	35	35
35	Sửa chữa điện - thủy lực trên máy thi công nền	35	35
36	Sửa chữa máy nông nghiệp	35	35
37	Điện công nghiệp	30	30
38	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	30	30
39	Điện tử công nghiệp	30	30
40	Điện dân dụng	30	30
41	Lắp đặt, sửa chữa điện - nước gia dụng	35	35
42	Sửa chữa tủ lạnh	35	35
43	Sửa chữa và lắp đặt máy điều hòa	35	35
44	Điều khiển lập trình PLC	50	50
45	Ứng dụng vi điều khiển	35	35
46	Lắp ráp thiết bị điện tử	35	35
47	Xếp dỡ cơ giới tổng hợp	30	30
48	Vận hành xe nâng hàng	35	35
49	Vận hành xe kéo điện	35	35
50	Vận hành xe thang nâng	35	35